

Bản án số: **42/2024/HSST**
Ngày: 07-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**
Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Ngọc Đăng**
Ông **Nguyễn Phi Hùng**
Ông **Huỳnh Hưng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thiên Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Ngô Thị Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 30/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/HSST-QĐ ngày 12/4/2024 đối với bị cáo:

LÊ VĂN C (tên gọi khác: không có), sinh ngày 22/11/1992 tại Hải Phòng; Nơi ĐKNKTT: Thôn 8, xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Số 1x Lý Thái Tông, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T2 (*đều còn sống*); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/4/2023. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C:** Ông Thái Quốc Việt - Luật sư Công ty luật TNHH MTV Trung Tín thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông **Lê Bá C1**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số 7x/y Tôn Đản, Tổ 22, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Công ty TNHH do đặc **Viễn thông Đ**. Địa chỉ: 6x Xuân Đán 2, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hồng Th.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng Th: Bà Nguyễn Thị V (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023 bút lục 110). Vắng mặt.

3. Ông **Phạm Sĩ Đ**, sinh năm 1953. Nơi cư trú: 11x Nguyễn Công Trứ, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Ông **Trần Duy D**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Q, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Ông **Lê Hồng P**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: thôn P, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

6. Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Số xx Nguyễn Văn Giáp, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Minh H2**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: K448/64/2 Tổ 42, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Ông **Hồ Nh**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ yy, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. **Công ty TNHH Xây dựng Công trình MT**. Địa chỉ: 3xx/7T Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Tr.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Đại Q, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 5x Hóa Mỹ, tổ 65, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2023). Vắng mặt.

10. **Công ty TNHH Sản xuất – thương mại – dịch vụ H**. Địa chỉ: Lô x khu B2-1y, Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò, Phường Hoà Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Quang Trung.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Tấn H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 1xx Nguyễn Như Hạnh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Đình Ch**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: 7x/3C đường 21, ấp T, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: 1x Thanh Vinh 12, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. **Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Năng lượng Công nghiệp Q**. Địa chỉ: 1xx/1 Hà Huy Tập, Phường Hoà Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quang T3, sinh năm 1985. Vắng mặt.

4. Ông **Trương Quang T3**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: 1xx/1 Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. **Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại P**. Địa chỉ: K64 H1yy/xx Trần Đình Tri, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà

Năng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Công H. Nơi cư trú: xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

6. Ông **Lương Kim H**, sinh năm 1976. Nơi cư trú: thôn x, xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

7. Ông **Đặng Huy N**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 15 Lý Thái Tông, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1967 và bà **Phạm Thị T2**, sinh năm 1974; Cùng trú tại: Xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, nợ nần kéo dài, không có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Lê Văn C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách giả vờ thuê máy toàn đạc điện tử rồi chiếm đoạt, bán cho người khác hoặc rủ góp vốn mua máy, hứa bán máy toàn đạc điện tử để chiếm đoạt tiền. Từ tháng 12/2022 đến tháng 4/2023, C đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

Lần 1: Do trước đây C có quen biết và làm chung Công trình với anh Lê Bá C1 nên biết anh C1 có 01 máy toàn đạc điện tử dùng đo đạc trong xây dựng. Ngày 02/12/2022, C nảy sinh ý định chiếm đoạt máy toàn đạc điện tử của anh C1, nên C gọi điện cho anh C1 nói dối là muốn thuê máy thì anh C1 đồng ý và bảo C đến nhà anh C1 để lấy máy và giá thuê là 4.000.000 đồng/1 tháng. C không nói cụ thể về thời gian thuê máy cho anh C1 biết. Khi nhận máy, C viết một giấy thuê máy toàn đạc điện tử TopconGTS-235N kèm phụ kiện (01 chân máy, 01 gương mini, 02 pin, 01 sạc) với giá 4.000.000 đồng/tháng và ký vào bên thuê rồi đưa giấy thuê cho anh C1 giữ. Sau khi chiếm đoạt được máy, C liên hệ với anh Trần Đình Ch để bán máy và anh Ch đồng ý mua với giá 13.000.000 đồng. Số tiền bán máy C trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua máy anh Ch đã tháo rời linh kiện để lắp cho nhiều khách hàng nên không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận: Giá trị của 01 máy toàn đạc điện tử hiệu TOPCON GTS – 235N, màu vàng kèm phụ kiện gồm 01 chân máy, 01 gương mini, 02 pin, 01 sạc có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là **26.367.000 đồng**.

Lần 2: Do có quan hệ làm ăn, nhập linh kiện từ Công ty TNHH đo đạc Viễn thông Đ từ năm 2021, nên ngày 06/12/2022, C liên hệ với chị Nguyễn Thị V - là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH đo đạc Viễn thông Đ thuê 01 máy toàn đạc để đi làm Công trình. Chị V chụp hình ảnh máy toàn đạc điện tử hiệu Leica TCR 403 gửi qua Zalo cho C xem. Sau khi xem hình ảnh xong, C đồng ý thuê máy với giá 4.000.000 đồng/tháng và yêu cầu người thuê phải đứng tên Công ty thì C

đồng ý. Do trước đây, C và anh Trương Quang T3 ở cùng nhà tại 1x Lý Thái Tông, quận Thanh Khê nên anh Tâm để trong tủ nhiều tài liệu có chữ ký của anh Tâm, con dấu và giấy đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam do anh T3 là người đại diện theo pháp luật mà không khóa tủ nên C đã tự ý lấy và chụp hình Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam cùng chứng minh nhân dân của anh Trương Quang T3 gửi qua Zalo cho chị V để chị V tin tưởng và yêu cầu chị V làm hợp đồng thuê theo tên của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam với tên Giám đốc là anh Trương Quang T3. Ngày 07/12/2022, chị V liên hệ với C lấy hợp đồng về ký, đóng dấu rồi đem qua lại cho chị V. Cùng ngày, C đến Công ty TNHH do đặc Viễn thông Đ gặp chị V lấy hợp đồng thuê máy và đem về chỗ ở của C rồi dựa theo mẫu chữ ký sẵn có của anh T3 có trong tài liệu ở tủ để giả chữ ký của anh T3, ký vào hợp đồng thuê máy. Ngoài ra, C còn tự ý lấy con dấu của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam và dấu tên “Giám đốc Trương Quang T3” đóng dấu vào hợp đồng thuê máy, rồi C tự ý lấy Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam và một bản sao y Công chứng giấy Chứng minh nhân dân của anh T3 để ở tủ mang đến Công ty TNHH do đặc viễn thông Đ và giao cho chị V để được nhận máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TCR 403 cùng bộ phụ kiện bao gồm: 02 pin hiệu Leica, 01 sạc pin hiệu Leica, 01 gương mini hiệu Leica.

Sau khi nhận máy xong, ngày 07/12/2022, C mang máy toàn đặc điện tử này đến nhà của ông Phạm Sỹ Đ rồi rủ ông Đ góp vốn, cùng chung mua máy này để bán lại kiếm lời. C nói dối với ông Đ máy có giá 26.500.000 đồng. Ông Đ tin lời của C nên đồng ý góp 14.000.000 đồng, C đưa số tài khoản 040101099298 ngân hàng Sacombank mang tên Trương Quang T3 cho ông Đ và ông Đ đã chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản này và đưa tiền mặt 4.000.000 đồng cho C tại nhà. Sau khi chiếm đoạt tiền của ông Đ, C đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, C rao bán máy trên mạng Facebook, khoảng 02 ngày sau, có một người ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ lai lịch) liên hệ C hỏi mua máy. Sau khi thoả thuận, C đồng ý bán máy toàn đặc nói trên cho người này với giá 26.000.000 đồng. Số tiền bán máy có được, C sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận:

- Giá trị của 01 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TCR 403, số seri 859318, màu xanh có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 47.827.000 đồng.

- Giá trị của 02 pin hiệu Leica là: 1.777.000 đồng.

- Giá trị của 01 sạc pin hiệu Leica là: 879.000 đồng.

- Giá trị của 01 gương mini hiệu Leica là: 594.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là **51.077.000 đồng**.

Lần 3: Ngày 13/01/2023, C tiếp tục liên hệ với chị V đề thuê thêm 02 toàn đặc điện tử nữa và nói dối là do C nhận thêm nhiều Công trình xây dựng nên cần thuê nhiều máy. Chị V tưởng thật, đồng ý và đề nghị C qua Công ty Đ xem máy, đồng thời yêu cầu C mang thêm giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty để làm tin. Lúc này, C tự ý lấy giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ thương mại P, do anh Võ Công H – làm người đại diện theo pháp luật để sẵn tại chỗ ở của C và mang đến Công ty TNHH đo đạc viễn thông Đ. Sau khi xem máy xong, C giả vờ có nhu cầu thuê thêm máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS06 và máy toàn đặc hiệu Leica TCR 702 và nói chị V soạn hợp đồng thuê máy để C ký, nhận máy. Chị V soạn một hợp đồng thuê 03 máy (gộp chung máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TCR 403 mà C thuê ngày 07/12/2022 trước đó). Sau khi ký hợp đồng xong, chị V giao 02 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS06 và Leica TCR 702 cùng bộ phụ kiện đi kèm theo máy cho C, C đưa giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ thương mại P cho chị V giữ để làm tin.

Sau đó, C đăng thông tin trên mạng Facebook để rao bán. Khoảng 2 ngày sau, có 01 người ở Hà Nội liên hệ với C để mua máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS06. Sau khi thoả thuận, C đồng ý bán máy với giá 55.000.000 đồng. Ngày 20/01/2023, có một người ở Thành phố Hồ Chí Minh liên hệ C để mua máy hiệu Leica TCR702, C đồng ý bán máy với giá 29.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán 02 máy toàn đặc nói trên, C đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận:

- Giá trị của 01 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS06, số seri 1400468, màu xanh, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 80.500.000 đồng

- Giá trị của 01 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TCR 702, số seri 655404, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 49.583.000 đồng.

- Giá trị của 02 pin hiệu Leica là: 1.904.000 đồng; 02 sạc hiệu Leica là: 1.758.000 đồng; 02 gương mini, hiệu Leica là: 1.187.000 đồng; 02 cáp trút hiệu Leica, là: 610.000 đồng; 01 chân máy hiệu Leica, là: 552.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 6.011.000 đồng

Lần 04: Ngày 09/02/2023, anh Trần Duy D gọi điện và nói chuyện với C về việc anh D muốn nâng cấp đời máy và nhờ C bán giúp máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TCRA 1101 Plus, số máy 6290852 của anh D với giá 42.000.000 đồng. Lúc này, do nợ nần nhiều nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt máy toàn đặc điện tử của anh D để bán lấy tiền trả nợ. Ngày 10/02/2023, C gọi điện cho anh D và nói dối là C đã tìm được khách hàng đồng ý mua máy của anh D với giá 42.000.000 đồng và đề nghị anh D đưa máy cho C để C bán giúp, khoảng vài ngày sau sẽ có tiền. Anh D tin tưởng nên nói C lên nhà anh D lấy máy về bán giúp.

Sau khi lấy được máy, C liền đăng trên mạng Facebook rao bán. Khoảng 10 ngày sau, có người (không rõ lai lịch) ở tỉnh Thanh Hoá liên hệ C để hỏi mua máy. Sau khi thoả thuận, C đồng ý bán máy toàn đặc điện tử Leica TCRA1101 Plus với giá 26.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 26.000.000 đồng có được từ việc bán máy, C đã sử dụng để trả nợ, tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận: Giá trị của 01 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TCRA 1101 Plus, màu xanh lá, số hiệu máy: 6290852, kèm phụ kiện gồm 01 chân máy, 01 gương mini, 02 pin, 01 sạc có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là **34.933.600 đồng**.

Lần 5: C quen biết với anh Lê Hồng P từ năm 2022. Ngày 21/11/2022, C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh P để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. C gọi điện thoại cho anh P nói dối là muốn thuê máy toàn đặc điện tử của anh P để đi làm Công trình, anh P đồng ý. Sau đó, anh P mang máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS02 Power, màu xanh, số máy 1354379 kèm các phụ kiện kèm theo, gồm 02 pin, 01 sạc, 01 gương mini đến nhà của C tại 1x Lý Thái Tông, quận Thanh Khê thuê trong thời hạn 3 tháng (từ ngày 23/11/2022 đến ngày 23/2/2023) với giá 5.000.000 đồng/tháng. C và anh P có ký hợp đồng thuê máy với nhau. Sau khi chiếm đoạt được máy toàn đặc của anh P, C rao bán máy toàn đặc này trên mạng Facebook. Đến ngày 26/11/2022, có một người (không rõ lai lịch) nhắn tin cho C để hỏi địa chỉ đến xem máy. Sau khi kiểm tra máy, C bán máy toàn đặc hiệu Leica TS02 Power kèm phụ kiện với giá 40.000.000 đồng. Đến ngày 28/12/2022, C đã đưa 5.000.000 đồng để trả tiền thuê máy cho anh P để không bị anh P nghi ngờ việc C đã bán cho người khác. Số tiền còn lại, C sử dụng để trả nợ, tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận: Giá trị của 01 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS02 Power3, màu xanh lá, số máy 1354379 kèm phụ kiện gồm 01 chân máy, 01 gương mini, 02 pin, 01 sạc, 01 cáp trút, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: **47.400.000 đồng**.

Lần 6: Ngày 21/3/2023, C tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh P nên gọi điện cho anh P để hỏi mượn một máy toàn đặc điện tử khác và nói dối là để đi làm Công trình trong thời gian 01 ngày. Tin lời của C, anh P đồng ý và hẹn C hôm sau đến phòng trọ của anh P tại địa chỉ: số 1xx đường Lạc Long Quân, phường Hoà Khánh Bắc, quận Liên Chiểu để lấy máy gồm 01 máy toàn đặc điện tử hiệu Leica TS06 Plus, màu xanh, số máy 1386487 kèm các phụ kiện kèm theo máy, gồm 02 pin, 01 sạc, 01 gương mini. Sau khi chiếm đoạt được máy toàn đặc nói trên, C rao bán trên mạng Facebook. Đến ngày 24/3/2023, có một người ở Hải Phòng (không rõ lai lịch) hỏi mua, C đồng ý bán máy với giá 48.000.000 đồng. Số tiền bán máy, C sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận: Giá trị của 01 máy toàn đạc điện tử hiệu Leica TS06 Plus, màu xanh lá, số máy 1386487, kèm phụ kiện gồm 01 chân máy, 01 gương mini, 02 pin, 01 sạc, 01 cáp trút có giá trị tại tho điểm bị chiếm đoạt là: **75.133.000 đồng**.

Lần 07: Do có quen biết với anh Hồ Nh từ năm 2021 nên C biết anh Nhân có 01 máy toàn đạc điện tử. Ngày 10/3/2023, C gọi điện cho anh Nhân nói dối là muốn thuê máy toàn đạc điện tử của anh Nhân để đi làm Công trình, anh Nhân đồng ý và nói C đến nhà anh Nhân lấy 01 máy toàn đạc điện tử hiệu Geomax Zoom 35Pro thuê với giá 300.000 đồng/ngày. C mang máy về cất giấu tại nhà. Ngày 11/3/2023, anh Nhân đến nhà của C tại 1x Lý Thái Tông, Đà Nẵng yêu cầu C viết giấy thuê máy thì C có viết một giấy thuê máy toàn đạc điện tử Geomax Zoom 35Pro, số máy 286725 kèm 02 pin, 01 sạc, 01 gương mini rồi đưa lại cho anh Nhân giữ.

Sau khi nhận được máy của anh Nhân, C liền nảy sinh ý định dùng máy toàn đạc điện tử này để lừa bán lại cho nhiều người nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại. Cùng ngày, C nhắn tin qua Zalo cho ông Phạm Sĩ Đ và gửi hình máy toàn đạc Geomax Zoom 35Pro nói trên kèm theo ảnh chụp chứng minh nhân dân của anh Lê Hồng P nói dối là có anh Lê Hồng P nhờ C bán giúp máy toàn đạc điện tử nói trên. Tin lời của C ông Đ nói C mang máy toàn đạc điện tử nói trên đến nhà ông Đ để kiểm tra.

Ngày 11/3/2023, C đem máy kèm theo bộ phụ kiện đến nhà của ông Đ nói dối máy này của anh P làm ở tập đoàn Trung Nam gửi bán. Sau đó, C đi ra ngoài gọi điện thoại cho anh Lương Kim H - anh H xưng tên là Dũng khi quen biết C để nhờ anh H giả vờ trả giá bán đối với máy trên. Sau đó, ông Đ đồng ý mua máy với giá 60.000.000 đồng. Ông Đ nói chỉ có 55.000.000 đồng thì C hứa hẹn sẽ góp thêm 5.000.000 đồng vào cho đủ, sau này nếu như bán lại được lời thì sẽ tính sau. Nghe vậy, ông Đ đồng ý và đưa tiền mặt cho C 50.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng C yêu cầu ông Đ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của anh Trương Quang T3, ngân hàng Sacombank, số tài khoản: 040101099298. Sau khi ông Đ giao tiền xong, C giao máy toàn đạc điện tử hiệu Geomax zoom 35 Pro cùng bộ phụ kiện cho ông Đ. Sau đó, ông Đ soạn sẵn một giấy mua bán giữa ông Đ và anh Lê Hồng P rồi đưa cho C để C đem về cho anh P ký nhưng C đã vứt bỏ giấy mua bán này. Số tiền 55.000.000 đồng của ông Đ, C sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/3/2023, C đến gặp ông Phạm Sĩ Đ và giả vờ mượn lại máy để đi làm Công trình trong một ngày. Sau đó, C gọi điện cho anh Trần Duy D bán với giá 35.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra máy và thống nhất giá cả, anh D chuyển số tiền 35.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng BIDV, số tài khoản 56010000907495 mang tên Nguyễn Thị Thanh Tuyết (vợ của anh D) đến số tài khoản 19036318300017 mang tên Lương Kim H mở tại ngân hàng Techcombank do C cung cấp. Sau khi chiếm đoạt được tiền của anh D, C sử dụng để tiêu dụng xài cá nhân hết.

Đến ngày 18/3/2023, C gọi điện cho anh Nguyễn Văn H nói dối là có người muốn bán máy toàn đạc Geomax Zoom 35Pro, nhờ anh H1 giới thiệu. Anh H1 đồng ý mua máy của C nhằm bán lại cho người khác kiếm lời. Sau đó, C đã gửi ảnh máy toàn đạc vào ứng dụng Zalo cho H1. Ngoài ra, C nói dối với H1 là đã có khách đặt mua với giá 42.000.000 đồng để H1 tin tưởng việc mua bán có lời. C gửi cho H1 số điện thoại 0904.898.689 của anh Lương Kim H để H1 tự liên lạc trả giá mua bán. Tuy nhiên, trước đó, C đã gọi điện thoại cho anh Lương Kim H và nhờ anh H khi có người gọi điện thoại hỏi về giá Geomax Zoom 35Pro thì cho biết giá mua hiện tại 42.000.000 đồng trở xuống, anh H1 gọi điện cho anh H theo số điện thoại mà C đưa thì anh H cho biết giá mua máy tại thời điểm hiện tại là 42.000.000 đồng. Sau khi nghe mức giá mua máy là 42.000.000 đồng thì H1 đồng ý mua máy với giá 33.000.000 đồng. Anh H1 rủ bạn là Nguyễn Minh H2 cùng góp tiền để mua.

Ngày 18/3/2023, C yêu cầu H1 phải chuyển trước 20.000.000 đồng và nói dối số tiền trên là tiền cọc để chủ sở hữu chuyển máy vào Đà Nẵng, sau khi nhận máy thì giao đủ tiền. C gửi số tài khoản 040101099298 mang tên Trương Quang T3 mở tại ngân hàng Sacombank để anh H1 chuyển tiền. Cùng ngày, C về nhà mượn thẻ ngân hàng của anh Trương Quang T3 để đi rút tiền, C trả cho anh Trần Duy D 10.000.000 đồng và sử dụng 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 20/3/2023, C gọi điện cho H1 nói dối là máy đã về và yêu cầu H1 chuyển đủ tiền. Anh H1 yêu cầu lấy được máy thì mới đồng ý chuyển đủ tiền. Sau đó, C tiếp tục gọi cho anh Lương Kim H nhờ anh H làm người bán hàng giúp C, yêu cầu khách phải trả đủ tiền thì mới giao hàng. C gửi số điện thoại khác của anh Lương Kim H để anh H1 nói chuyện. Sau khi liên hệ, Huy đồng ý chuyển đủ tiền cho C, Huy đã chuyển thêm 13.000.000 đồng còn lại vào tài khoản của anh Trương Quang T3 nói trên. Sau khi nhận được tiền, C đã nhờ anh Tâm chuyển tiền qua tài khoản Lương Kim H 19036318300017 ngân hàng Techcombank. Sau đó, C mượn thêm anh H số tiền 2.000.000 đồng để chuyển trả nợ cho anh Đặng Huy N số tiền 15.000.000 đồng.

Đến ngày 22/3/2022, anh H1 liên hệ với C và yêu cầu được xem máy Geomax Zoom 35Pro. Lúc này, C gọi điện thoại cho anh Trần Duy D, nhờ D mang máy đến cho C mượn. Sau khi anh D mang máy đến thì C gọi cho anh H1 nói dối là “Máy ở Hà Nội đã được gửi vào”, đồng thời nói anh H1 đến kiểm tra máy. Cùng ngày, anh Nguyễn Minh H3 (bạn của Huy) đến nhà của C xem máy và chụp hình. Sau đó, C nói dối H3 để C giữ giúp máy, khi nào cần giao máy cho người mua thì C giao giúp. Anh H3 đồng ý sau đó, C giao máy lại cho anh Trần Duy D quản lý. Tài sản đã thu hồi

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ kết luận: Giá trị của 01 máy toàn đạc điện tử hiệu Geomax Zoom 35Pro, màu vàng, xám, số máy 2836725 kèm phụ kiện gồm 02 pin, 01 sạc, 01 gương mini, bị chiếm đoạt vào ngày 10/3/2023 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là **96.767.000 đồng**.

Ngoài ra, các bị hại khác bị Lê Văn C chiếm đoạt tài sản bao gồm:

- Công ty TNHH Xây Dựng MT do anh Nguyễn Hữu Đại Q làm người được ủy quyền trình báo về việc bị C chiếm đoạt một máy toàn đạc điện tử hiệu Leica TS02-7, số máy 1311759 và một máy thủy bình hiệu Leica L-K232.

- Công ty TNHH Sản xuất – thương mại – dịch vụ H do anh Trần Tấn H là người được ủy quyền trình báo về việc bị Lê Văn C chiếm đoạt một máy toàn đạc điện tử hiệu Geomax Zip 10 Pro kèm theo bộ phụ kiện.

- Ngày 16/5/2023, Công ty TNHH Đo đạc viễn thông Đ do chị Nguyễn Thị V là người được ủy quyền trình báo thêm việc bị C chiếm đoạt một máy toàn đạc điện tử hiệu Leica TCR 402.

Cơ quan CSĐT C an TP Đà Nẵng đã yêu cầu định giá tài sản đối với các tài sản trên nhưng do mẫu mã sản phẩm có tuổi đời đã lâu, hiện nay không còn sản xuất, lưu hành trên thị trường nên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng không thực hiện được việc định giá.

Tang, tài vật thu giữ:

- 01 máy toàn đạc điện tử Geomax Zoom 35Pro, màu vàng, xám, số máy 2836725 kèm 02 pin, 01 sạc, 01 gương mini;

- 01 xe mô tô hiệu Honda – Dream, màu nâu, trắng, biển số 43N2-5955, số máy: C100ME-D2320, số khung: C100M-D02320

- 01 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0402075598 của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam và 01 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0402041260 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại dịch vụ P;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, Imei1: 867760032930399, Imei2: 867760032930381 gắn sim số 0905.264.493 của Lê Văn C

Bản Cáo trạng số 32/CT-VKSĐN-P2 ngày 30/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hành quyền C tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- + Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 12 đến 13 năm tù.

- + Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS và Điều 589 BLDS, buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại.

- + Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự xử lý như đã đề nghị tại bản Cáo trạng

- Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm bào chữa của luật sư Thái Quốc Việt: thống nhất về tội danh, điểm khoản và điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố và thống nhất các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

- Bị hại Lê Bá C1 có mặt tại phiên tòa và các bị hại vắng mặt đều đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo bồi thường lại giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do làm ăn thua lỗ, nợ nần kéo dài, ko có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Lê Văn C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt bằng cách giả vờ thuê máy toàn đạc điện tử rồi chiếm đoạt, bán cho người khác hoặc rủ góp vốn mua máy, hứa bán máy toàn đạc điện tử để chiếm đoạt tiền. Từ tháng 12/2022 đến tháng 4/2023, C đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại Lê Bá C1, Công ty TNHH đo đạc viễn thông Đ, anh Phạm Sỹ Đặc, anh Trần Duy D, anh Lê Hồng P, anh Hồ Nh, anh Nguyễn Văn H với tổng số tiền 604.771.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Thông qua thủ đoạn giả vờ thuê máy toàn đạc điện tử, bị cáo lợi dụng lòng tin của các bị hại để các bị hại giao máy đo toàn đạc, sau khi chiếm hữu máy thì chiếm đoạt, bán cho người

khác hoặc rủ góp vốn mua máy, hứa bán máy để chiếm đoạt tiền. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Do đó đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Ngoài ra, trong thời gian ngắn bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại, lấy các lần phạm tội làm nghề sống chính và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Vì vậy cần phải áp dụng các tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, “phạm tội hai lần trở lên” được quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C khai báo thành khẩn, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, lần đầu bị xét xử. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo có bổ sung thêm Giấy biên nhận tiền của bà Nguyễn Thị V, các giấy tờ tài liệu Tổ quốc ghi C cho liệt sĩ Lê Văn Cây, liệt sĩ Lê Văn Tuyết, danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng bà Lê Thị Đấu, tuy nhiên Giấy biên nhận tiền không có xác nhận của Công ty, không chứng minh được Công ty TNHH do đặc viễn thông Đ đã nhận được tiền hay chưa, các tài liệu chứng minh gia đình có C cách mạng không xác định được có quan hệ như thế nào với bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận các tình tiết này để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Lê Bá C1 có giá trị 26.367.000 đồng; Công ty TNHH do đặc và viễn thông Đ 187.171.000 đồng; ông Trần Duy Dung 69.933.000 đồng; ông Lê Hồng P 122.533.000 đồng; ông Hồ Nh 96.767.000 đồng; ông Phạm Sĩ Đ 69.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Minh H2 33.000.000 đồng và một số tài sản không định giá được.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông Hồ Nh đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì. Các bị hại còn lại đều có yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường lại giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Ông Lê Bá C1 yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng;
- Công ty TNHH do đặc và viễn thông Đ yêu cầu bồi thường 187.171.000 đồng;
- Ông Trần Duy D yêu cầu bồi thường 59.933.000 đồng;
- Ông Lê Hồng P yêu cầu bồi thường 150.000.000 đồng;
- Ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu bồi thường 33.000.000 đồng;
- Ông Phạm Sĩ Đ yêu cầu bồi thường 69.000.000 đồng

Xét thấy yêu cầu của các bị hại là chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Do vậy, căn cứ vào Điều 48 BLHS năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung 2017) và các Điều 463, 466 BLDS năm 2015 buộc bị cáo C bồi thường lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo yêu cầu là phù hợp.

Đối với trường hợp của Công ty TNHH Xây Dựng MT yêu cầu bồi thường số tiền 114.500.000 đồng; Công ty TNHH Sản xuất – thương mại – dịch vụ H yêu cầu bồi thường số tiền 95.000.000 đồng; Công ty TNHH Đo đạc viễn thông Đ yêu cầu bồi thường 44.000.000 đồng, số tiền yêu cầu bồi thường có giá trị tương đương với tài sản bị chiếm đoạt: Hội đồng xét xử xét thấy các bị hại đã có yêu cầu nhưng cung cấp không đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đồng thời yêu cầu bồi thường của các bị hại không có liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tách phần dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu của các bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 máy toàn đạc điện tử Geomax Zoom 35Pro, màu vàng, xám, số máy 2836725 kèm 02 pin, 01 sạc, 01 gương mini thuộc sở hữu hợp pháp của ông Hồ Nh, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho ông Hồ Nh là phù hợp, Hội đồng xét xử không đề cập đến

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda – Dream, màu nâu, trắng, biển số 43N2-5955, số máy: C100ME-D2320, số khung: C100M-D02320. Qua điều tra xác minh, xe mô tô trên của ông Trương Quang T3 mua của ông Đoàn Thời - chủ cửa hàng xe máy số 114 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào năm 2018 giá 19.000.000 đồng nhưng chưa đăng ký sang tên. Do Lê Văn C không có phương tiện đi lại nên ông Tâm cho C mượn xe mô tô trên để sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thành phố Đà Nẵng trả lại xe cho chủ sở hữu Trương Quang T3 là phù hợp.

- Đối với 01 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0402075598 của Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển năng lượng Công nghiệp Q Việt Nam và 01 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0402041260 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại dịch vụ P; xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Trương Quang T3 và Võ P.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, Imei1: 867760032930399, Imei2: 867760032930381 gắn sim số 0905.264.493 của Lê Văn C; xét thấy đây là C cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung C quỹ nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với anh Trương Quang T3 cho Lê Văn C mượn tài khoản để những người mua máy chuyển tiền vào tài khoản của anh T3, anh T3 không biết là tiền do C phạm tội mà có và anh T3 không hưởng lợi gì từ C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, HĐXX cũng không xem xét gì thêm.

- Đối với anh Lương Kim H, do anh H không muốn C biết thông tin lai lịch của mình nên tự xưng là Dũng khi quen biết Lê Văn C. Việc anh H nhận tiền giúp C nhưng không biết số tiền trên do C phạm tội mà có. C nói dối anh H đóng giả khách hàng là để thăm dò giá bán giúp C, anh H không được hưởng lợi gì từ việc trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, HĐXX cũng không xem xét gì thêm.

- Đối với anh Trần Đình Ch mua máy Topcon GTS-235, anh Trần Duy D mua máy hiệu Geomax Zoom 35Pro của Lê Văn C nhưng không biết đây là tài sản do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, HĐXX cũng không xem xét gì thêm

- Đối với các đối tượng mua tài sản của C trên mạng Facebook hiện không rõ nhân thân lai lịch nên không có cơ sở xem xét đối với những người này, HĐXX cũng không đề cập giải quyết gì thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn C 13 (mười ba) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn C phải tiếp tục bồi thường:

- Bồi thường cho ông Lê Bá C1 số tiền 50.000.000 đồng;
- Bồi thường cho Công ty TNHH đo đạc và viễn thông Đ số tiền 187.171.000 đồng;
- Bồi thường cho ông Trần Duy D số tiền 59.933.000 đồng;
- Bồi thường cho ông Lê Hồng P số tiền 150.000.000 đồng;
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 33.000.000 đồng;
- Bồi thường cho ông Phạm Sĩ Đ số tiền 69.000.000 đồng

Tổng số tiền buộc bị cáo Lê Văn C phải bồi thường cho những người bị hại nêu trên là: **549.104.600 đồng (năm trăm bốn mươi chín triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm đồng)**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu sung C quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, Imei1: 867760032930399, Imei2: 867760032930381 gắn sim số 0905.264.493 của Lê Văn C

(Vật chứng hiện do Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2024)

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Lê Văn C phải chịu 25.964.184 đồng (*hai mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng*)

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- CQ THAHS CATP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn;
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trọng Danh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

